TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.
2. Ông Võ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tôn Kim T, sinh năm: 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1993 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, chị Tôn Kim T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh N tự nguyện kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn; thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường cự cãi nhau. Tháng 01/2022, chị về nhà cha, mẹ ruột ở sống ly thân với anh N cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cuộc sống của ai người đó lo, không có liên hệ với nhau.

Quá trình chung sống chị và anh N có một người con là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/11/2020 do chị nuôi dưỡng.

Chị T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh N nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Về con chung: Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu H, chị có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng, chị vẫn đảm bảo quyền thăm con cho anh N. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, anh Nguyễn Văn N là bị đơn có ý kiến như sau đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu H nếu chị T nuôi con không đảm đảm bảo sự phát triển về mọi mặt hoặc gây khó khăn cho anh trong việc thực hiện quyền thăm con thì anh sẽ làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con. Trường hợp, chị T không muốn nuôi cháu H thì giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N đề nghị vắng mặt tại Tòa án, vì lý do công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Tôn Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn N, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 08/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị T xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường cự cãi nhau. Tháng 01/2022, chị T và anh N sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không có liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T và anh N đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị T và anh N nhưng không đạt kết quả do chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh N có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ, chồng của anh N và chị T đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có một người con là cháu cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/11/2020. Xét yêu cầu nuôi con của chị T và ý kiến của anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T xác định có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, cháu H được chị chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển về mọi mặt; chị T không đồng ý giao cháu H để anh N nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được quyền nuôi dưỡng cháu H, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005679 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tôn Kim T đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Tôn Kim T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/11/2020, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Tôn Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005679 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tôn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024); anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Kiên Giang;
-VKS ND huyện Giồng Riềng;
-THA huyện Giồng Riềng;
-UBND xã (nơi ĐKKH);
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát